



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

Số: 06/2023/CV-VFC

CÔNG VĂN

(V/v: Giải trình biến động lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2023 so với 06 tháng đầu năm 2022)

KÍNH GỬI: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Ủy Ban.

Căn cứ vào khoản 4 điều 14 và điều 22 Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát giải trình biến động lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2023 so với 06 tháng đầu năm 2022 như sau:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 06 tháng đầu năm 2023:
(1.925.882.914) đ

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 06 tháng đầu năm 2022: 763.493.759 đ

Nguyên nhân dẫn đến việc lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2023 chênh lệch giảm so với 06 tháng cuối năm 2022 là do:

Trong 06 tháng đầu năm 2023, mặc dù doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước nhưng doanh thu hoạt động nghiệp vụ quản lý danh mục và tư vấn đầu tư giảm mạnh dẫn tới lợi nhuận trong 06 tháng đầu năm 2023 giảm mạnh so với lợi nhuận trong 06 tháng đầu năm 2022.

Bằng công văn này, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát giải trình nguyên nhân dẫn tới sự biến động lợi nhuận để báo cáo Quý Ủy ban và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu HC-VP

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT



VÕ ANH TÚ

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
QUỸ VIỆT CÁT
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L
=Hai Bà Trưng, CN=
CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ VIỆT
CÁT,
OID.0.9.2342.19200300.
100.1.1=
MST:0102636355
Reason: I am the author
of this document
Location:
Date: 2023.08.14
10:19:56+07'00'
Foxit PDF Reader
Version: 12.0.2

CÔNG
TY CỔ
PHẦN
QUẢN
LÝ QUỸ
VIỆT
CÁT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ (30/06/2023)	Số đầu kỳ (01/01/2023)
Tài sản	A		
A. Tài sản ngắn hạn	100	24 255 352 253	26 142 660 033
I. Tiền và tương đương tiền	110	14 135 282 161	4 555 628 562
1. Tiền	111	14 135 282 161	4 555 628 562
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	774 000	18 180 775 060
1. Đầu tư ngắn hạn	121	774 000	18 181 027 960
1a. Đầu tư ngắn hạn (121)	12A	774 000	18 181 027 960
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	-	(252,900)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	10 073 246 950	3 400 127 057
1. Phải thu khách hàng	131	57 805 527	45 742 497
2. Trả trước cho người bán	132	8 400 000	8 400 000
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	19 226 646	19 226 646
5. Các khoản phải thu khác	135	10 015 441 423	3 354 384 560
5a. Phải thu khác 1388	13A	3 835 205 000	127 158 904
5b. Phải thu 141	13B	6 180 236 423	3 227 225 656
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	(27,626,646)	(27,626,646)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	46 049 142	6 129 354
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	46 049 142	6 129 354
B. Tài sản dài hạn	200	1 517 959 142	1 760 068 572
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	139,259,500	139 259 500
4. Phải thu dài hạn khác	214	139 259 500	139 259 500
II. Tài sản cố định	220	1 192 453 205	1 340 744 003
1. Tài sản cố định hữu hình	221	-	-
- Nguyên giá	222	169 467 449	169 467 449
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(169,467,449)	(169,467,449)
3. Tài sản cố định vô hình	227	1 192 453 205	1 340 744 003
- Nguyên giá	228	1 523 858 000	1 523 858 000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(331,404,795)	(183,113,997)
IV. Tài sản dài hạn khác	260	186 246 437	280 065 069
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	186 246 437	280 065 069
Tổng tài sản	220	25 773 311 395	27 902 728 605
Nguồn vốn	B		
A. Nợ phải trả	300	731 705 627	935 239 923
I. Nợ ngắn hạn	310	731 705 627	935 239 923
1. Phải nộp nhà nước	312	13 934 900	14 717 900
2. Phải nộp ngân sách nhà nước	314	513 961 785	639 696 969
3. Phải nộp ngắn hạn khác	316		79 185 798
4. Phải nộp ngắn hạn khác	319	5 752 808	34 063 122

Digitally signed by CÔNG

TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ

QUỸ VIỆT CÁT

DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L

=Hà Nội, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN

QUẢN LÝ QUỸ VIỆT

CÁT,

OID.0.9.2342.19200300

100.1.1=

MST:0102636355

Reason: I am the author

of this document

Location:

Date: 2023.08.14

14:49:15+07'00'

Foxit PDF Reader

Version: 12.0.2

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ (30/06/2023)	Số đầu kỳ (01/01/2023)
Tài sản	A		
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	198 056 134	167 576 134
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	25 041 605 768	26 967 488 682
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	410	25 000 000 000	25 000 000 000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	54 906 131	54 906 131
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	54 906 131	54 906 131
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(68,206,494)	1 857 676 420
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	430	25 773 311 395	27 902 728 605

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THÙY TRANG



TỔNG GIÁM ĐỐC

VÕ ANH TÚ

Ngày 10 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu	01	21	554 990 888	4 452 808 222
3. Doanh thu thuần (10 = 01-02)	10		554 990 888	4 452 808 222
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	22	635 567 039	1 217 403 855
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		(80 576 151)	3 235 404 367
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	831 141 771	10,137,024
7. Chi phí tài chính	22	24	47 423 308	292,800
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	2 610 616 978	2 290 889 267
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25)	30		(1907 474 666)	954 359 324
11. Chi phí khác	32		120 698	
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(120 698)	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1907 595 364)	954 359 324
14. Thuế TNDN hiện hành	51	26	18 287 550	190 865 565
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(1925 882 914)	763 493 759
17. Lãi trên cổ phiếu (*)	70			

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THỦY TRANG



TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ
VIỆT CÁT

VŨ ANH TÚ

Ngày 10 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25,000,000,000	25,000,000,000		0	0	0	25,000,000,000	25,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		0	0	0	0	0	0	0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu		0	0	0	0	0	0	0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)		0	0	0	0	0	0	0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		0	0	0	0	0	0	0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		0	0	0	0	0	0	0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển		0	0	0	0	0	0	0	0
8. Quỹ dự phòng tài chính		54,906,131	54,906,131		0	0	0	54,906,131	54,906,131
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		54,906,131	54,906,131		0	0	0	54,906,131	54,906,131
10. Lợi nhuận chưa phân phối		988,310,335	1,857,676,420	763,493,759		0	1,925,882,914	1,751,804,094	(68,206,494)
Tổng cộng		26,098,122,597	26,967,488,682	763,493,759	0	0	1,925,882,914	26,861,616,356	25,041,605,768

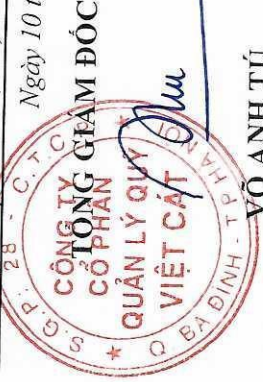
Đơn vị tính: VND

Ngày 10 tháng 08 năm 2023

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THÙY TRANG



VÔ ANH TỬ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		22,436,142,976	4,452,808,222
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ, và người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		(10,374,821,153)	(1,217,403,855)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1,872,036,722)	(2,290,889,267)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(112,188,521)	(72,000,000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		0	775,285,575
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(645,221,998)	(1,670,170,627)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9,431,874,582	(22,369,952)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			(1,033,908,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		147,779,017	10,137,024
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		147,779,017	(1,023,770,976)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		9,579,653,599	(1,046,140,928)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4,555,628,562	26,518,361,901
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		14,135,282,161	25,472,220,973

KÊ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THÙY TRANG



Ngày 10 tháng 08 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ ANH TÚ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 28/UBCK-GP ngày 25/01/2008 do Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp bổ sung các Giấy phép điều chỉnh thay đổi như sau: Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK cấp ngày 17/11/2014, Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK cấp ngày 18/09/2015, Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK cấp ngày 31/05/2021, Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK cấp ngày 23/05/2022 và Giấy phép điều chỉnh số 117/GPĐC-UBCK cấp ngày 29/11/2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 25,000,000,000 đồng; tương đương 2,500,000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật.

1.3. Nhân sự

Công ty có tổng số nhân viên tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 12 người.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Quản lý Quỹ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng tại Công ty là hình thức Sổ Nhật ký Chung.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị: 03-05 năm
- Phần mềm quản lý: 03-05 năm

2.7 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn chứng khoán bán ra.

2.8 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng và quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.11 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.12 . Các khoản thuế

a. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	7 683 996	475 847
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14 127 598 165	4 555 152 715
	14 135 282 161	4 555 628 562

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (chi tiết danh mục cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro)	9	774 000	9	1 017 000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (DHG)	9	774 000	9	1 017 000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-		(252 900)
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (DHG)		-		(252 900)
		774 000		764 100

5 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu phí quản lý Quỹ thành viên	57 805 527	45 742 497
	57 805 527	45 742 497

6 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sao vàng	8 400 000	8 400 000
	8 400 000	8 400 000

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu hoạt động QLDM NDT Ủy thác Đoàn Minh Phụng	18 970 163	18 970 163
Phải thu hoạt động QLDM các NDT Ủy thác khác	256 483	256 483
	19 226 646	19 226 646

8 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các khoản phải thu khác chi tiết theo nội dung		
Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi	-	127 158 904

Phải thu Tạm ứng CBNV
Phải thu từ bán chứng khoán

6 180 236 423	3 227 225 656
3 835 205 000	-
10 015 441 423	3 354 384 560

9 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Dự phòng trả trước ngắn hạn cho Công ty Cổ phần Sao Vàng
Dự phòng phải thu hoạt động nghiệp vụ

30/06/2023	01/01/2023
VND	VND
(8 400 000)	(8 400 000)
(19 226 646)	(19 226 646)
(27 626 646)	(27 626 646)

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho CBNV
Chi phí khác

30/06/2023	01/01/2023
VND	VND
24 415 692	6 129 354
21 633 450	-
46 049 142	6 129 354

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Thiết bị quản lý	Phương tiện vận tải, tuyên dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ III				
Số dư đầu kỳ	169 467 449			
Mua trong kỳ				169 467 449
Dầu tư XD CB hoàn thành				
Tăng khác				
Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối kỳ báo cáo	169 467 449			
Giá trị hao mòn lũy kế				169 467 449
Số dư đầu kỳ				
Khấu hao trong kỳ				
Dầu tư XD CB hoàn thành				
Tăng khác				
Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối kỳ				
Giá trị còn lại của TSCĐ III				
Số dư đầu kỳ	169 467 449			
Số dư cuối kỳ	169 467 449			169 467 449

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ VH				
Số dư đầu kỳ		1 523 858 000		1 523 858 000
Mua trong kỳ				
Dầu tư XD CB hoàn thành				
Tăng khác				
Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối kỳ		1 523 858 000		1 523 858 000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ		183 113 997		183 113 997
Khấu hao trong kỳ		148 290 798		148 290 798
Dầu tư XD CB hoàn thành				
Tăng khác				
Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối kỳ		331 404 795		331 404 795
Giá trị còn lại của TSCĐ III				
Số dư đầu kỳ		1 340 744 003		1 340 744 003

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Số đầu kỳ:

Tăng trong kỳ

Phân bổ trong kỳ

Số cuối kỳ

Chi tiết số dư cuối kỳ

Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí Công cụ dụng cụ chờ phân bổ

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Phải trả người bán chi tiết theo đối tượng

Công ty TNHH Việt Thăng Long

Công ty TNHH CROWN WORLDWIDE

Công ty TNHH Công Nghệ Truyền Thông Cảnh Cam

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế Thu nhập cá nhân

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Phí lưu ký trả Ngân hàng lưu ký

Phí dịch vụ kiểm toán

Các chi phí phải trả khác

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Số dư đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Số dư cuối kỳ VND
Số đầu kỳ				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25 000 000 000	-	-	25 000 000 000
Quỹ dự phòng tài chính	54 906 131	-	-	54 906 131
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	54 906 131	-	-	54 906 131
Lợi nhuận chưa phân phối	1 857 676 420	-	-	(68 206 494)
Số cuối kỳ	<u>26 967 488 682</u>	<u>-</u>	<u>1 925 882 914</u>	<u>25 041 605 768</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2023 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2023 VND
Ông Nguyễn Anh Vũ	58%	14 500 000 000	58%	14 500 000 000
Bà Hồ Thị Thủy Giang	24%	6 000 000 000	24%	6 000 000 000

18%	4 500 000 000	18%	4 500 000 000
100%	25 000 000 000	100%	25 000 000 000

c) Cổ phiếu

Số lượng cổ phần đăng ký phát hành
Số lượng cổ phần đã phát hành cho cổ đông
- *Cổ phần phổ thông*
Số lượng cổ phần đang lưu hành
- *Cổ phần phổ thông*
Mệnh giá cổ phần đã lưu hành (VND)

30/06/2023

01/01/2023

2 500 000

2 500 000

2 500 000

2 500 000

2 500 000

2 500 000

10 000

10 000

18. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước

30/06/2023

01/01/2023

VND

VND

82 143 110

173 880 000

82 143 110

173 880 000

19. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Nhà đầu tư ủy thác trong nước
- *Chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch*
- *Chứng khoán chưa niêm yết*

30/06/2023

01/01/2023

VND

VND

23 527 822 600

46 441 504 400

27 822 600

22 941 504 400

23 500 000 000

23 500 000 000

23 527 822 600

46 441 504 400

20. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Phải thu khác

30/06/2023

01/01/2023

VND

VND

2 100 000

2 100 000

2 100 000

2 100 000

21. DOANH THU

- Doanh thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư Giá trị Việt
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư
- Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán

Kỳ báo cáo

Kỳ này năm trước

VND

VND

326 379 214

-

228 611 674

1 452 808 222

-

3 000 000 000

554 990 888

4 452 808 222

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Chi phí nhân viên trực tiếp
Chi phí tư vấn
Chi phí dịch vụ mua ngoài

Kỳ báo cáo

Kỳ này năm trước

VND

VND

623 582 875

862 887 044

-

133 333 332

11 984 164

221 183 479

635 567 039

1 217 403 855

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Lãi tiền gửi, lãi đầu tư tài chính
Lãi đầu tư chứng khoán
Cổ tức, lợi nhuận được chia

Kỳ báo cáo

Kỳ này năm trước

VND

VND

519 792 771

10 105 524

311 317 500

-

31 500

31 500

831 141 771

10 137 024

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán
Lỗ bán chứng khoán
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán

Kỳ báo cáo

Kỳ này năm trước

VND

VND

-

226 800

47 433 208

-

(9 900)

-

Chi phí tài chính khác

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí nhân viên quản lý
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng
Chi phí khấu hao tài sản cố định
Thuế, phí và lệ phí
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí dự phòng
Chi vật liệu quản lý

	66 000
47 423 308	292 800
Kỳ báo cáo	Kỳ này năm trước
VND	VND
1 922 051 504	1 505 312 172
28 967 148	22 133 348
148 290 798	17 231 800
3 207 800	17 666 159
430 085 976	631 305 390
-	19 226 646
78 013 752	78 013 752
2 610 616 978	2 290 889 267

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
Các khoản điều chỉnh tăng
- Chi phí không hợp lệ
Các khoản điều chỉnh giảm
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
Tổng thu nhập tính thuế
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN các năm trước vào thuế TNDN phải nộp kỳ này
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ

Kỳ báo cáo	Kỳ này năm trước
VND	VND
(1907 595 364)	954 359 324
120 698	-
120 698	-
(31 500)	(31 500)
(31 500)	(31 500)
(1907 506 166)	954 327 824
18 287 550	-
18 287 550	190 865 565
93 900 971	34 900 662
(112 188 521)	(72 000 000)
-	153 766 227



VÔ ANH TÚ
TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THUY TRANG
NGƯỜI LẬP

LÊ THUY TRANG
KẾ TOÁN TRƯỞNG